

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/DS-ST  
Ngày: 12 / 5 / 2020  
“V/v tranh chấp hợp đồng dân  
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trí;
2. Bà Phan Thị Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Phước Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 469/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Phạm Hà G, sinh năm 1968; địa chỉ: số A, tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: số C, đường Q, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền được Văn phòng công chứng L chứng nhận ngày 10/10/2019); có mặt.

*Bị đơn:* Ông Huỳnh Công Y, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ B, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ B, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, ông Huỳnh Công Y có vay của ông Phạm Hà G 03 khoản tiền, cụ thể:

+ Khoản vay thứ nhất: Vào ngày 26/6/2017, ông Y vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, không xác định thời hạn trả nợ, có làm biên nhận. Ông Y trả lãi từ ngày vay đến tháng 01/2018 (07 tháng) với số tiền 2.100.000 đồng rồi ngưng trả lãi đến nay.

+ Khoản vay thứ hai: Vào tháng 9/2017 (không nhớ ngày cụ thể), ông Y vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày, không làm biên nhận. Đến hạn trả nợ, ông Y không trả lại nợ vốn mà xin trả lãi. Ông Y trả lãi từ tháng 9/2017 đến tháng 01/2018 (04 tháng) với số tiền 600.000 đồng.

+ Khoản vay thứ ba: Vào ngày 30/12/2017 âm lịch, ông Y vay thêm số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, có làm biên nhận. Ông Y trả lãi từ ngày vay đến tháng 01/2018 (01 tháng) với số tiền 375.000 đồng rồi ngưng trả lãi đến nay.

Đến tháng 01/2019, ông G, ông Y thỏa thuận ông Y trả dần cho ông G nợ vốn mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Tuy nhiên, ông Y chỉ trả được 06 tháng với số tiền 6.000.000 đồng rồi ngưng trả đến nay. Ông Y còn nợ lại ông G nợ vốn 49.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 01/2018 cho đến nay.

Ông Y và bà Nguyễn Thị M là vợ chồng, vẫn còn chung sống với nhau. Ông Y vay tiền để làm vốn chăn nuôi, sinh hoạt phí trong gia đình. Vì vậy, ông G yêu cầu ông Y, bà M liên đới trả nợ vốn 49.0000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/01/2018 đến ngày Tòa án xét xử.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: tờ tự khai của ông Phạm Hà G; biên nhận ngày 30 tháng chạp âm lịch (bản photo); biên nhận ngày 26/6/2017 (bản photo).

- Ông Huỳnh Công Y, bà Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm. Đồng thời, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 10.000.000 đồng được xác lập vào tháng 9/2017. Yêu cầu tính lãi của 02 khoản vay còn lại từ ngày 01/02/2018 theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Huỳnh Công Y, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Y, bà M là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, vào các ngày 26/6/2017, 30/12/2017 âm lịch, ông Y có vay của ông G tổng cộng 45.000.000 đồng, lãi 1,5%/tháng, không thời hạn, có lập biên nhận. Ông Y đóng lãi đến tháng 01/2018 được số tiền 2.475.000 đồng. Ngoài ra, vào tháng 9/2017, ông Y có vay của ông Giang 10.000.000 đồng, không biên nhận, thời hạn vay 15 ngày. Ông Y trả lãi của khoản vay này đến tháng 01/2018 với số tiền 600.000 đồng. Đến tháng 01/2019, ông G cho ông Y trả dần nợ vốn 03 khoản vay mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng ông Y chỉ trả được 06 tháng với số tiền 6.000.000 đồng thì ngưng.

Tại phiên tòa, ông P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 10.000.000 đồng, được xác lập vào tháng 9/2017; yêu cầu ông Y, bà M liên đới trả cho ông G nợ vốn 39.000.000 đồng và tiền lãi từ 01/02/2018 đến ngày Tòa án xét xử.

Do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu bị rút. Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại, thấy rằng, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với các biên nhận nợ ngày 26/6/2017, 30/12/2017 âm lịch. Đồng thời, quan hệ vay tiền giữa ông G, ông Y được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của bà M, ông Y; ông Y vay tiền để phục vụ nhu cầu của gia đình. Về lãi suất, các biên nhận nợ ngày 26/6/2017, 30/12/2017 âm lịch không thể hiện lãi suất nên mức lãi suất 1,5%/tháng mà phía nguyên đơn yêu cầu là cao.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G; buộc ông Y, bà M liên đới trả cho ông G 39.000.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm từ ngày 01/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm; đình chỉ giải quyết yêu cầu bị rút; điều chỉnh lãi suất theo quy định đối với số tiền lãi 2.475.000 đồng mà ông G đã nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*\* Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Phạm Hà G khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Công Y trả nợ vay. Ông Y đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu

cầu kiện của ông G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trước khi phiên tòa được mở, ông Y, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Y, bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*\* Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, đến trước thời điểm tranh luận tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, ông Y có vay của ông G 03 lần với việc xác lập, thực hiện hợp đồng như sau:

- Ngày 26/6/2017, ông Y vay 20.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, không xác định thời hạn trả nợ. Ông Y trả lãi từ ngày vay đến hết tháng 01/2018 được 07 tháng với số tiền 2.100.000 đồng rồi ngưng thanh toán.

- Tháng 9/2017 (không nhớ ngày), ông Y vay 10.000.000 đồng, lãi suất 1,5%, thời hạn vay 15 ngày, không làm biên nhận. Đến hạn, ông Y không trả nợ vốn mà xin trả lãi. Sau đó, ông Y trả lãi từ tháng 9/2017 đến hết tháng 01/2018 được 04 tháng với số tiền 600.000 đồng rồi ngưng thanh toán.

- Ngày 30/12/2017 âm lịch, ông Y vay 25.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn. Ông Y trả lãi từ ngày vay đến hết tháng 01/2018 được 01 tháng với số tiền 375.000 đồng rồi ngưng thanh toán.

Đến tháng 01/2019, ông G, ông Y thỏa thuận ông Y trả dần nợ vốn cho ông G mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ; trường hợp không trả theo thỏa thuận thì phải trả lãi từ ngày ngưng trả lãi của từng khoản vay. Ông Y chỉ trả được 06 tháng với số tiền 6.000.000 đồng rồi ngưng thanh toán tiếp. Cho nên, ông Y còn nợ ông G nợ vốn 49.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/02/2018 cho đến nay.

Tuy nhiên, trong phần tranh luận, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 10.000.000 đồng được xác lập vào tháng 9/2017. Việc rút yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đã bị rút.

Xem xét yêu cầu khởi kiện còn lại thấy rằng, ông G khởi kiện yêu cầu ông Y trả nợ vốn và lãi của khoản vay 20.000.000 đồng ngày 26/6/2017 và khoản vay 25.000.000 đồng ngày 30/12/2017 âm lịch. Đồng thời, ông G có cung cấp

được 02 biên nhận vào các ngày 26/6/2017, 30/12/2017 âm lịch thể hiện ông Y có vay của ông G.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã ban hành Thông báo số 02/TB-TA ngày 05/3/2020 yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện.

Vì vậy, có căn cứ xác định ông Y có vay của ông G các khoản vay 20.000.000 đồng vào ngày 26/6/2017 và 25.000.000 đồng vào ngày 30/12/2017 âm lịch.

Hợp đồng vay tài sản giữa ông G, ông Y được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Sau khi vay, ông Y có trả cho ông G tiền lãi của khoản vay ngày 26/6/2017 với số tiền 2.100.000 đồng; tiền lãi của khoản vay ngày 30/12/2017 âm lịch với số tiền 375.000 đồng và nợ vốn của các khoản vay với số tiền 6.000.000 đồng rồi ngưng không thanh toán tiếp. Cho nên, ông Y còn nợ ông G nợ vốn 39.000.000 đồng và nợ lãi từ thời điểm ngưng thanh toán ngày 01/02/2018.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông G, ông P yêu cầu ông Y, bà M liên đới trả cho ông G nợ vốn 39.000.000 đồng và nợ lãi từ thời điểm ngưng thanh toán ngày 01/02/2018 theo quy định pháp luật.

Mặc dù, các biên nhận ngày 26/6/2017, ngày 30/12/2017 âm lịch không thể hiện mức lãi suất nhưng ông G, ông P xác định, khi xác lập 02 khoản vay này, ông G, ông Y có thỏa thuận lãi suất 1,5%. Đồng thời, ông G đã nhận tiền lãi của 02 khoản vay do ông Y trả lãi với mức lãi suất 1,5%. Cho nên, có căn cứ xác định các khoản vay ngày 26/6/2017, ngày 30/12/2017 âm lịch là khoản vay có thỏa thuận lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng.

Mức lãi suất mà các bên thỏa thuận 1,5%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, tiền lãi mà bên vay còn phải thanh toán kể từ ngày ngưng trả lãi vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm là:

$39.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 27,36 \text{ tháng} = 16.005.600 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng số nợ vốn, lãi mà bên vay còn nợ bên cho vay là 55.005.600 đồng.

Mặc dù, bà M không cùng ông Y xác lập hợp đồng vay tài sản với ông G nhưng hợp đồng vay được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của bà M, ông Y.

Đồng thời, ông G, ông P khai, ông Y vay tiền để làm vốn chăn nuôi, sinh hoạt phí trong gia đình của ông Y, bà Mai. Cho nên, có căn cứ xác định việc ông Y vay tiền từ ông G phục vụ nhu cầu thiết yếu của bà M, ông Y.

Do ông Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông G khởi kiện yêu cầu ông Y, bà M liên đới trả số nợ còn lại và yêu cầu trả lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 466, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Vì vậy, buộc ông Y, bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông G nợ vay 55.005.600 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Y, bà M phải chịu án phí dân sự đối với số tiền phải thanh toán cho ông G là 2.750.200 đồng.

Ông G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông G số tiền tạm ứng án phí còn lại 1.225.000 đồng mà ông G đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hà G về việc yêu cầu ông Huỳnh Công Y, bà Nguyễn Thị M liên đới trả cho ông Phạm Hà G số nợ vay 10.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hà G.

Buộc ông Huỳnh Công Y, bà Nguyễn Thị M liên đới trả cho ông Phạm Hà G số nợ vay 55.005.600 (*năm mươi lăm triệu, không trăm lẻ năm nghìn, sáu trăm*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Công Y, bà Nguyễn Thị M phải chịu 2.750.200 (*hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, hai trăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Hà G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm Hà G số tiền tạm ứng án phí 1.225.000 (*một triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng mà ông G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0007773 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Hà G có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Huỳnh Công Y, bà Nguyễn Thị M được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Thái Chí Bình**